TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/DS-PT
Ngày: 09/5/2024
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*bà Nguyễn Thị Minh Phượng;

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Ngọc Tuấn, bà Ngô Ngọc Phỉ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLPT-DS ngày 06/02/2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản", do Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2023/QĐ-PT ngày 10/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2023/QĐ-PT ngày 08/5/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 50/2023/QĐ-PT ngày 30/5/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 18/TB-TA, ngày 23/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐ-PT, ngày 19/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐ-PT ngày 28/3/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 54/2024/QĐ-PT ngày 17/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1948; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1950; nơi cư trú: số G, tổ B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

3. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà L1: bà Trần Thị M (giấy ủy quyền ngày 11/5/2022).

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* ông Trần Đình C, sinh năm 1949 (tên gọi khác: Trần Văn T1, sinh năm 1960); nơi cư trú: số E khóm T, phường M, T, tỉnh An Giang, HKTT: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Ngọc P – Công ty L3, Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: 5 B, phường M, TP ., tỉnh An Giang, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1937; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Lê Quang P1, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (giấy ủy quyền ngày 02/10/2019), vắng mặt.

2. Ông Trần Văn O, sinh năm 1932; nơi cư trú: số C, tổ A, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1942; nơi cư trú: số C ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

4. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1954; nơi cư trú: số B, tổ A, lộ I, Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: bà Dương Thị Đạt T2, sinh năm 1974; nơi cư trú: số D chung cư A, đường N, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (giấy ủy quyền ngày 22/11/2022), có mặt.

5. Bà Châu Thị Lệ T3, sinh năm 1961; nơi cư trú: số E khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Trần Đình C, ông Trần Văn O, ông Trần Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Các nguyên đơn bà Trần Thị M, Trần Thị T, Trần Thị L, Trần Thị L1 trình bày:

Cha mẹ của bà Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Thị L1, Trần Thị T là ông Trần Văn L2 (Trần Văn P2) chết năm 1990, mẹ là bà Bùi Thị Đ1 chết năm 2011. Ông L2 và bà Đ1 có 09 người con gồm: Trần Thị H, Trần Văn O, Trần Văn Q, Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Văn Đ, Trần Thị L1, Trần Thị T, Trần Đình C (C, Trần Văn T1).

Khi cha mẹ còn sống có tạo lập phần diện tích nhà, đất 4.864,10m^2 tại số E khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi cha mẹ qua đời không để lại di chúc cho các con nên bà M cùng các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu

phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn L2 (Trần Văn P2) và bà Bùi Thị Đ1 để lại làm 09 phần bằng nhau. Riêng căn nhà hiện tại do vợ chồng ông C và bà T3 đang quản lý sẽ làm nơi thờ cúng nhưng phải giao cho một trong các anh chị em trong gia đình quản lý, không được chuyển nhượng khi không được sự đồng ý của các anh em trong hàng thừa kế của cha mẹ; về ngôi mộ của bà Trần Thị N diện tích khoảng 10m^2 yêu cầu giữ nguyên không yêu cầu giải quyết. Về giá trị phần diện tích đất ở 200m^2 x 2.000.000đ/m^2 = 400.000.000đ, giá trị đất lâu năm khác (LNK) 4.664,10m^2 x khoảng 100.000đ/m^2 = 466.400.000đ. Đối với phần diện tích đất nông nghiệp 38.000m^2, trị giá khoảng 1.000.000.000đ tại huyện T, tỉnh An Giang yêu cầu phân chia theo quy định pháp luật. Tổng giá trị tính chung khoảng 1.866.400.000đ. Các nguyên đơn xin nhận hiện vật (04 phần), các phần di sản còn lại nếu 5 người không nhận di sản thì 04 người nguyên đơn sẽ hoàn giá trị cho 05 chị em, giá trị kỷ phần 200.000.000đ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại một phần yêu cầu đối với phần diện tích đất nông nghiệp 38.000m^2, trị giá khoảng 1.000.000.000đ.

Bị đơn ông Trần Đình C trình bày:

Ông tên là Trần Đình C, sinh năm 1949, không phải là Trần Bình C1, sinh năm 1958 như nguyên đơn đã trình bày, ông C1 xác định: Phần diện tích đất 4.864,10m^2, trong đó có 200m^2 đất thổ cư, 4.664,10m^2 đất cây lâu năm khác là tài sản của cha mẹ là ông Trần Văn L2 và bà Bùi Thị Đ1 để lại chưa phân chia cho các anh em trong gia đình. Ông C1 thống nhất yêu cầu chia theo quy định pháp luật, chia làm 9 phần bằng nhau, mỗi người nhận 1 phần, phần đất hay tiền thì sẽ thỏa thuận về sau.

Đối với yêu cầu khởi kiện phân chia phần diện tích đất 38.000m^2, là loại đất trồng lúa, đất tọa lạc huyện T, tỉnh An Giang. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay các nguyên đơn có yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện thì ông C1 không đồng ý. Đề nghị các nguyên đơn làm rõ có hay không phần diện tích 38.000m^2 từ đâu có, có phải của ông L2 và bà Đ1. Trường hợp, nếu của cha mẹ thì phải chia đều cho các anh chị em theo quy định pháp luật, đồng thời phải làm rõ và yêu cầu chia thành quả lao động đối với hoa lợi lợi tức khai thác từ phần đất 38.000m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị H do ông Lê Quang P1 đại diện trình bày: Bà H là con ruột của ông Trần Văn L2 và bà Bùi Thị Đ1, theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà H đồng ý nhận một kỷ phần theo quy định pháp luật. Sau khi nhận phần di sản sẽ để lại cho ông Trần Đình C quản lý, sử dụng.

Ông Trần Văn O trình bày: Ông là con của ông Trần Văn L2, bà Bùi Thị Đ1, theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông đồng ý nhận 1 kỷ phần theo quy định pháp luật, nhưng tự nguyện giao lại kỷ phần cho ông C quản lý, sử dụng.

Ông Trần Văn Q trình bày: Ông là con của ông Trần Văn L2, bà Bùi Thị Đ1, ông Q yêu cầu nhận một kỷ phần di sản thừa kế do cha mẹ để lại đối phần diện tích đất 4661m^2; không yêu cầu chia phần đất 200m^2 và 38.000m^2 tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Ông Trần Văn Đ trình bày: Ông sinh ngày 06/03/1954, không phải sinh năm 1953 như bà Trần Thị M đã trình bày, là con của ông Trần Văn L2, bà Bùi Thị Đ1, ông yêu cầu phần chia phần di sản của cha mẹ để lại với tổng diện tích 42.864m^2. Theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn tính giá trị chung 1.866.400.000đ. Ông Đ đồng ý đưa ra số tiền này để nhận lại toàn bộ tài sản là nhà, đất với mục đích để chấm dứt vụ kiện tranh chấp giữa các anh em trong gia đình. Kỷ phần di sản thừa kế của ông được hưởng tự nguyện giao lại cho ông C quản lý, sử dụng.

Bà Châu Thị Lệ T3 trình bày: Theo đơn yêu cầu vắng mặt ngày 07/07/2021 bà T3 không liên quan, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phân chia phần diện tích đất của cha mẹ để lại sau khi trừ 2 phần diện tích đất nền mộ, phần diện tích đất ông C đã cắt cho bà Nguyễn Thị Kim C2 và trừ diện tích đất 200m^2 đất thổ cư có căn nhà dùng làm nơi thờ cúng ông bà, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết về sau. Rút lại yêu cầu chia thừa kế phần đất 38.000m^2. Đối với giá trị đất, các cây trồng có trên đất thống nhất theo biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 22/09/2022. Đối với các cây trồng có trên đất các nguyên đơn thống nhất hoàn giá trị cho ông C theo kết quả định giá với số tiền 92.675.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn L2, (Trần Văn P2) (chết ngày 12/10/1990) và bà Bùi Thị Đ1 (chết ngày 21/04/2011).

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn L2 và bà Bùi Thị Đ1 gồm: Bà Trần Thị H, ông Trần Văn O, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị T (M1) và ông Trần Đình C (Trần Văn T1).

3. Xác định giá trị di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 4.570,2m^2, trong đó đã cắt trừ 90,8m^2 được giới hạn bởi các điểm 30, 60, 53 có diện tích 57,5m^2 do ông Trần Đình C đã thống nhất cắt trừ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim C2; 7,9m^2 thể hiện tại các điểm 25, 24, 23, 22; 25,4m^2 thể hiện tại các điểm 29, 21, 20, 19 là phần diện tích đất nền mộ của bà Trần Thị N, ông Trần Văn L2, bà Bùi Thị Đ1 và bà Nông Thị N1 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày các ngày 31/08/2022, 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022 là di sản thừa kế của ông Trần Văn L2 và bà Bùi Thị Đ1. Giá trị di sản thừa kế là

722.091.600đ (bảy trăm hai mươi hai triệu không trăm chín mươi mốt ngàn sáu trăm đồng).

4. Giao cho các ông, bà có tên sau đây quản lý và sử dụng diện tích cụ thể:

4.1. Bà Trần Thị M quản lý, sử dụng diện tích 508,6m^2**,** loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 94, 52, 30, 60, 93 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Giá trị đất: 508,6m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.358.800đ.

4.2. Bà Trần Thị L quản lý, sử dụng diện tích 507,8m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 91, 94, 93, 92, 20, 21, 22, 25 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Trong đó, có diện tích đất nền mộ của bà Trần Thị N có diện tích 7,9m^2 thể hiện tại các điểm 22, 23, 24, 25 phần diện tích đất khu mộ cắt giảm trừ. Giá trị đất: 507,8m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.232.400đ**.**

4.3. Bà Trần Thị L1 quản lý, sử dụng diện tích 506,9m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 90, 91, 25, 22, 21, 20, 92, 89 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Trong đó, có diện tích đất khu mộ của ông Trần Văn L2, bà Bùi Thị Đ1, bà Nông Thị N1 có diện tích 25,4m^2 thể hiện tại các điểm 19, 20, 21, 29, phần diện tích đất khu mộ cắt giảm trừ. Giá trị đất: 506,9m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.090.200đ.

4.4. Bà Trần Thị T quản lý, sử dụng diện tích 507,9m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 86, 90, 89, 87 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Giá trị đất: 507,9m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.248.200đ.

4.5. Ông Trần Văn Q quản lý, sử dụng diện tích 507,8m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 85, 86, 87, 88 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Giá trị đất: 507,8m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.248.200đ.

4.6. Ông Trần Đình C quản lý, sử dụng diện tích 507,8m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 80, 84, 9, 16, 83, 82, 11, 95, 67, 66, 65, 64, 72, 81 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Giá trị đất: 507,8m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.248.200đ.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H, ông Trần Văn O, ông Trần Văn Đ về từ chối nhận di sản thừa kế.

Giao cho ông Trần Đình C quản lý sử dụng các diện tích như sau:

- Diện tích: 507,8m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 79, 85, 88, 83, 16, 9, 84, 80 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập

ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Giá trị đất: 507,8m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.248.200đ.

- Diện tích 507,8m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 78, 79, 80, 81, 72, 71, 70, 69, 68, 95, 11, 82, 77 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Giá trị đất: 507,8m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.248.200đ.

- Diện tích 507,8m^2, loại đất LNK; được giới hạn bởi các điểm 55, 78, 77, 54 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022. Giá trị đất: 507,8m^2 x 158.000đ/m^2 = 80.248.200đ.

Vị trí các phần diện tích giao cho các đương sự quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 36, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080QSDĐ/Af, ngày 27/01/2000 do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp mang tên bà Bùi Thị Đ1.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị T về yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với phần đất 200m^2, loại đất thổ cư, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080QSDĐ/Af, ngày 27/01/2000 do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp mang tên bà Bùi Thị Đ1 thể hiện tại các điểm 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71 thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 36, theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 01/08/2022, chỉnh sửa ngày 31/08/2022; 06/09/2022, 16/11/2022, 18/11/2022 (đính kèm các bản vẽ).

7. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị T về yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất tranh chấp 38.000m^2, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

8. Bà Trần Thị M, bà Trần Thị H, ông Trần Văn O, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị L, bà Trần Thị L1, ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị T mỗi người có nghĩa vụ giao cho ông Trần Đình C số tiền 10.029.050đ, kỷ phần ông C đã tôn tạo, quản lý, giữ gìn với số tiền 80.232.400đ (tám mươi triệu hai trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

9. Bà Trần Thị M, bà Trần Thị T giao cho bà Trần Thị L1 số tiền 142.200đ (một trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm đồng) đối với phần diện tích đất chênh lệch diện tích 0,9m^2 của kỷ phần thừa kế.

10. Bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị T liên đới trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Đình C số tiền 92.675.000đ (chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), tiền bồi hoàn giá trị các cây trồng, cây ăn trái.

11. Các ông, bà Trần Thị H, ông Trần Văn O, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị T và ông Trần

Đình C có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các ngày 21/11/2022 các ông Trần Đình C, Trần Văn Đ, Trần Văn O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các ông Trần Đình C, Trần Văn Đ, Trần Văn O vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án,

- Ông C, ông Đ, ông O không đồng ý việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất 38.000m^2, yêu cầu chia thừa kế phần đất 38.000m^2; cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng trong thời gian nghị án, các bản vẽ trích đo cấp sơ thẩm điều chỉnh trong thời gian nghị án nhưng không công khai cho các ông biết, thiếu người tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị Kim C2, chia đất không có lối đi chung.

- Các nguyên đơn trình bày như tại cấp sơ thẩm, không yêu cầu chia phần đất 38.000m^2, phần đất thổ cư 200m^2 và căn nhà trên đất. Thống nhất bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 12/01/2024 của Công ty TNHH Đ2. Yêu cầu chia phần đất của cha mẹ để lại sau khi trừ lại phần đất làm lối đi chung, phần đất đi vào 02 khu mộ và phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Kim C2, nếu ai được chia đất ít hơn cũng không yêu cầu các thừa kế khác hoàn lại giá trị chênh lệch.

Phần tranh luận:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ngày 17/4/2024 Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa vì lý do sức khỏe của ông C, sau đó ông C đã nhập viện điều trị bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Đây là lý do khách quan, ông C kháng cáo nên việc vắng mặt của ông C ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Về định giá tài sản: cấp sơ thẩm định giá tài sản tranh chấp từ năm 2020 đến khi xét xử phúc thẩm đã hơn 04 năm nên phải định giá lại, cấp sơ thẩm phải định theo giá thị trường nhưng lại áp giá của Ủy ban nên ảnh hưởng đến quyền lợi các đương sự, đề nghị hoãn phiên tòa định giá lại theo yêu cầu các đương sự. Hồ sơ có 05 bản vẽ đất tranh chấp nhưng các đương sự chỉ tiếp cận được 03 bản vẽ, còn 02 bản vẽ trong thời gian nghị án các đương sự không được tiếp cận, các bản vẽ không thống nhất về kích thước, hình thể nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ là chưa khách quan. Trong diện tích đất cấp cho cụ Đ1 có một phần đất đã cấp cho bà Kim C2 và trong căn nhà bà T3 vợ ông C đang ở còn có các con ông C, nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà Kim C2 và các con ông C vào tham gia tố tụng là thiết sót.

Phần đất tranh chấp gần 5.000m^2, trên đất có căn nhà của của cụ Đ1 cấp sơ

thẩm không phân chia mà giành cho các đương sự khởi kiện vụ kiện khác là không đảm bảo quyền lợi cho ông C. Tính công sức cho ông C bằng giá trị là không đồng bộ. Tại cấp sơ thẩm các ông Đ, O nhường kỷ phần thừa kế cho ông C, nhưng tại cấp phúc thẩm đồng ý giao đất cho ông C nhận giá trị nên cần phải định giá lại. Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phên tòa hoặc hủy bản án sơ thẩm.

- Ông Đ do bà T2 đại diện: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ thay đổi yêu cầu muốn nhận kỷ phần thừa kế, không nhường cho ông C. Việc ông Đ yêu cầu định giá lại do Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

- Các nguyên đơn và ông Q không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các ông Trần Đình C, Trần Văn O, Trần Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Di sản thừa kế được xác định sau khi trừ đi diện tích đất làm lối đi chung để ra tỉnh lộ 943, trừ đi diện tích đất đường đi chung vào phần mộ, trừ đi diện tích đất sạt lở. Các nội dung khác của án sơ thẩm như xác định các thừa kế, cách chia, phương thức phân chia bằng hiện vật, hoặc nhận giá trị tại các vị trí theo bản trích đo hiện trạng vẫn được giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của các ông Trần Đình C, Trần Văn O, Trần Văn Đ trong hạn luật định, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên hợp lệ.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Trần Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/5/2023, ông Trần Đình C, bà Trần Thị H, bà Châu Thị Lệ T3 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Đối với ông Trần Đình C là người kháng cáo nhưng vắng mặt cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt, đáng lẽ phải đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông C. Tuy nhiên, kháng cáo của ông C cũng là kháng cáo của ông O, ông Đ nên Hội đồng xét xử vẫn xem xét mà không đình chỉ.

Về yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp: Ngày 19/4/2024 và ngày 22/4/2024 các ông Trần Đình C, Trần Văn O, Trần Văn O có đơn yêu cầu định giá lại tài sản, cho rằng giá trị tài sản tranh chấp hiện nay không còn phù hợp.

Xét thấy, Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự Chín, O, Đ đều thừa nhận có chứng kiến việc cấp sơ thẩm định giá tài sản vào ngày 22/9/2022 (BL 531), tòa cấp sơ thẩm xét xử ngày 21/11/2022 nhưng các ông không có ý kiến. Từ khi cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến nay đã hơn 01 năm ông C, ông Đ, ông O nhiều lần khiếu nại và qua nhiều lần mở phiên tòa, hoãn phiên tòa nhưng không đương sự nào có ý kiến về kết quả định giá tài sản. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C có 03 lần xin hoãn phiên tòa nhưng cũng không có ý kiến về kết quả định giá của cấp sơ thẩm. Phiên tòa ngày 17/4/2024 được tạm ngừng vì lý do tình trạng sức khỏe của ông C, phiên tòa được xét xử liên tục, nên các ông C, O, Đ yêu cầu định giá tại tài sản là không được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của các ông Trần Đình C, Trần Văn O, Trần Văn Đ:

[2.1] Về hàng thừa kế của ông Trần Văn L2 và bà Bùi Thị Đ1: các đương sự đều thống nhất ông L2, bà Đ1 có 09 người con gồm: Trần Thị H, Trần Văn O, Trần Văn Q, Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Văn Đ, bà Trần Thị L1, Trần Thị T và Trần Đình C. Căn cứ vào Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 các đương sự trên là hàng thừa kế thứ nhất của ông L2, bà Đ1.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 "... *Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Ông L2 chết năm 1990, bà Đ1 chết 2011. Ngày 12/06/2019 các nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L2, bà Đ1 nên thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế vẫn còn.

[2.3] Về di sản thừa kế: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ là ông L2, bà Đ1 để lại gồm: diện tích đất nông nghiệp 38.000m^2 tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang; diện tích đất 4.864,10m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 4.664,10m^2 đất lâu năm khác) tại số E khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080QSDĐ/Af, ngày 27/01/2000 do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp cho bà Bùi Thị Đ1. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm do các nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất 38.000m^2, phần đất thổ cư 200m^2, riêng căn nhà trên đất không yêu cầu chia. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đã rút là có căn cứ. Ông C, ông Đ, ông O không đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần đất 38.000m^2 là không có cơ sở. Nếu xác định được vị trí phần đất 38.000m^2 thì các ông có quyền khởi kiện thành một vụ án khác để yêu cầu chia thừa kế.

Đối với phần đất cây lâu năm diện tích 4.664,10m^2 cấp cho bà Bùi Thị Đ1 các đương sự đều thống nhất là của cha mẹ để lại chưa chia, nên sau khi bà Đ1, ông L2 chết trở thành di sản, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là có cơ sở. Ông L2, bà Đ1 không để lại di chúc để định đoạt phần đất 4.664,10m^2, căn cứ vào Điều 650 Bộ luật Dân sự 2015 thì phần đất trên được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông L2, bà Đ1. Cấp sơ thẩm xác định phần đất 4.664,10m^2 là di sản của ông L2, bà Đ1 và chia thừa kế theo pháp luật cho

các thừa kế của ông L2, bà Đ1 là có căn cứ. Tuy nhiên việc phân chia các phần đất là không phù hợp với hiện trạng thực tế, đất chia không có lối đi chung và lối đi vào 02 khu mộ của cha mẹ, phần quyết định của bản án sơ thẩm nêu rất nhiều bản trích đo hiện trạng khu đất, nếu chia đất như án sơ thẩm thì không thi hành án được

Tại cấp phúc thẩm: Các đương sự thống nhất cắt một phần đất làm lối đi chung với diện tích hợp lý và dành một phần đất làm lối đi vào phần mộ của cha mẹ (không chia). Tòa án tỉnh An Giang đã có văn bản đề nghị Công ty TNHH Đ2 điều chỉnh, bổ sung bản trích đo ngày 18/11/2022 cho phù hợp hiện trạng khu đất tranh chấp như: Định vị lại mốc ranh phần đất 4.864,10m^2 cấp cho bà Bùi Thị Đ1, cập nhật lại hiện trạng nhà, vật kiến trúc theo bản vẽ ngày 02/06/2020 của Văn phòng đăng ký đất chi nhánh L4; bổ sung hiện trạng đường bê tông lên bản vẽ; dành một lối đi chung vào 02 khu mộ, thể hiện phần đất diện tích 57,5m^2 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C2…

Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 12/01/2024 của Công ty TNHH Đ2: Trong phần đất 4.864,10m^2 có 200m^2 đất thổ cư các nguyên đơn đã rút yêu cầu, còn lại 4.664,10m^2, diện tích đúng là 4.661m^2. Trong 4.661m^2 trừ 57,5m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 90080QSDĐ/Af cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C2, trừ đi diện tích đất 02 nền mộ của bà Trần Thị N, ông Trần Văn L2, bà Bùi Thị Đ1 và lối đi vào 02 nền mộ diện tích 131,6m^2 để cho các đương sự thuận tiện cho việc thăm viếng, trừ đi phần đất là hiện trạng đường bê tông làm lối đi chung là 227,2m^2. Phần đất còn lại 4.244,7m^2 được phân chia cho các thừa kế của ông L2, bà Đ1 theo pháp luật. Như vậy, từ những nhận định trên, kháng cáo của các ông C, O, Đ là có cơ sở nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chia thừa kế phần đất 4.244,7m^2 cho 9 kỷ phần, mỗi kỷ phần được chia 471,6m^2 đất tương đương 74.518.000 đồng (giá 158.000đ/m^2), ai hưởng đất nhiều hơn sẽ hoàn giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác. Tuy nhiên, tại phiên tòa các nguyên đơn thống nhất nếu ai được chia đất ít hơn cũng không yêu cầu các thừa kế khác hoàn lại giá trị chênh lệch, ý kiến này của các đương sự là hợp lý nên được chấp nhận.

Tại cấp sơ thẩm các ông, bà H, O, Đ nhường kỷ phần thừa kế cho ông C, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông O, ông Đ không đồng ý nhường kỷ phần thừa kế cho ông C, riêng bà H không có ý kiến. Tại đơn yêu cầu ngày 19/4/2024 ông O xin được nhận giá trị, giao phần đất được hưởng cho ông C. Như vậy, ông C được hưởng 02 kỷ phần (01 kỷ phần của ông C và 01 kỷ phần do bà H nhường). Ngoài ra ông C được nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật của ông O và phải trả lại giá trị cho ông O. Các ông, bà M, L, L1, T, Q, Đ mỗi người được chia 01 kỷ phần bằng hiện vật. Đối với ông C có công gìn giữ di sản của cha mẹ nên được chia 01 kỷ phần bằng giá trị là 74.518.000; các ông, bà M, L, L1, T, Q, O, Đ mỗi người phải giao lại cho ông C 9.314.700 đồng là phù hợp với Án lệ 05/2016/AL ngày 06/04/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Đối với bà H do đã nhường kỷ phần thừa kế cho ông C nên không phải trả công sức giữ gìn di sản cho ông C.

Phần đất 4.244,7m^2 được phân chia như sau: Bà M được chia 446,1m^2, bà L được chia 445,6m^2, bà T được chia 587,8m^2, bà L1 được chia 431,7m^2, ông Q được chia 437,1m^2, ông Đ được chia 481,1m^2, ông C được chia các phần đất 445,8m^2 + 483,8m^2 (bà H nhường) + 485,7m^2 (kỷ phần của ông O). Ông C phải hoàn giá trị kỷ phần được hưởng cho ông O là 76.740.600 đồng (485,7m^2 x 158.000đồng/m^2). Buộc ông C phải giao các phần đất nêu trên cho các ông, bà Đ, M, L, T, L1, Q. Các ông, bà Đ, M, L, T, L1, Q và C được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các phần đất được chia.

Trên phần diện tích đất tranh chấp có các cây trồng, cây ăn quả, các bà M, L1, L, T không yêu cầu xác định các cây có trên phần diện tích đất được chia và tự nguyện hoàn giá trị cho ông C 92.675.000đ là có lợi cho ông C nên được chấp nhận. Buộc bà M, L, L1, T phải trả cho ông C số tiền 92.675.000đ.

Đối với phần đất 131,6m^2 có 02 nền mộ các đương sự thống nhất để lại không chia nên không xem xét. Đối với phần đất 227,2m^2 có đường bê tông hiện hữu, các đương sự thống nhất để làm lối đi chung là hợp lý, nên công nhận phần đất 227,2m^2 là lối đi chung của các hộ Đon, M, L, T, L1, Q, C.

[3] Về đưa người tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim C2, hiện nay đang sử dụng phần đất 57,5m^2 tại các điểm 60, 30, 53 trước đây thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ1, hiện nay phần đất này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho bà Kim C2, cấp sơ thẩm không đưa bà Kim C2 vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu chia phần đất 57,5m^2 nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Kim C2, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C cho rằng cấp sơ thẩm không đưa các con ông C đang ở trong căn nhà trên đất vào tham gia tố tụng là thiết sót. Xét thấy căn nhà này các nguyên đơn không tranh chấp nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người ở trong nhà, vì vậy không cần thiết phải đưa các con ông C vào tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C yêu cầu hủy án là không được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng:

Các bà M, L, L1, T tự nguyện chịu số tiền 1.000.000đ chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm và 1.500.000 đồng tại cấp phúc thẩm (đã nộp xong).

Ông Đ tự nguyện chịu số tiền 8.500.000đ (đã nộp xong).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự trong vụ án đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho các đương sự.

[6] Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của các ông Trần Đình C, Trần Văn O, Trần Văn Đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất 200m^2 thuộc thửa 03, tờ bản đồ 36, loại đất thổ cư, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080QSDĐ/Af, ngày 27/01/2000 do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp cho bà Bùi Thị Đ1 và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất 38.000m^2, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Thị L1, Trần Thị T về việc chia thừa kế di sản của cha mẹ là Trần Văn L2, Bùi Thị Đ1 để lại đối với 4.664,10m^2 thuộc thửa 04, tờ bản đồ 36, đất lâu năm khác (diện tích đúng là 4.661m^2), tọa lạc tại số E khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080QSDĐ/Af, ngày 27/01/2000 do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp cho bà Bùi Thị Đ1.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn L2 và bà Bùi Thị Đ1 gồm: bà Trần Thị H, ông Trần Văn O, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị T và ông Trần Đình C (Trần Văn T1).

- Xác định di sản của ông Trần Văn L2 và bà Bùi Thị Đ1 để lại là 4.244,7m^2 (đã trừ 57,5m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C2, lối đi vào 02 nền mộ 131,6m^2 và hiện trạng đường bê tông 227,2m^2).

- Công nhận phần đất 227,2m^2 tại các điểm 106, 77, 11, 16, 97, 88, 87, 89, 98, 92, 93, 26, 60 là lối đi chung của các hộ bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị T, ông Trần Văn Q và ông Trần Đình C (trong đó tại các điểm 106, 77, 11, 16, 97, 88, 87, 89, 98, 92, 93, 26, 100, 99, 101, 102, 103, 104, 105, 99 diện tích 149,1m^2 là hiện trạng đường bê tông và tại các điểm 99, 105, 104, 103, 102, 101, 100, 60, 54 diện tích 78,1m^2 hiện trạng là bờ đất giáp mương nước).

- Công nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H nhường kỷ phần thừa kế cho ông Trần Đình C.

- Bà Trần Thị M được chia phần đất 446,1m^2 tại các điểm 94, 52, 30, 26, 93.

- Bà Trần Thị L được chia phần đất 445,6m^2 tại các điểm 91, 94, 93, 92, 82, 23, 24, 25.

- Bà Trần Thị T được chia phần đất 587,8m^2 tại các điểm 90, 91, 25, 22, 21, 29, 19, 20, 98, 89.

- Bà Trần Thị L1 được chia phần đất 431,7m^2 tại các điểm 86, 90, 89, 87.

- Ông Trần Văn Q được chia phần đất 437,1m^2 tại các điểm 85, 86, 87, 88.

- Ông Trần Văn Đ được chia phần đất 481,1m^2 tại các điểm 55, 78, 77, 106.

- Ông Trần Văn O được chia 485,7m^2 bằng giá trị là 76.740.600 đồng, buộc ông Trần Đình C phải hoàn hoàn giá trị kỷ phần được hưởng cho ông Trần Văn O là 76.740.600 đồng.

- Ông Trần Đình C được chia các phần đất 445,8m^2 tại các điểm 11, 95, 67, 66, 65, 64, 72, 81, 80, 96, 84, 9, 16; phần đất 483,8m^2 tại các điểm 78, 79, 80, 81, 72, 71, 70, 69, 68, 95, 11, 77 và 485,7m^2 tại các điểm 79, 85, 88, 97, 16, 9, 84, 96, 80.

Tất cả các phần đất nêu trên được thể hiện tại Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 12/01/2024 của Công ty TNHH Đ2.

Buộc ông Trần Đình C phải giao cho ông Trần Văn Đ phần đất 481,1m^2, giao cho bà Trần Thị M phần đất 446,1m^2, giao cho bà Trần Thị L phần đất 445,6m^2, giao cho bà Trần Thị T phần đất 587,8m^2, giao cho bà Trần Thị L1 phần đất 431,7m^2 và giao cho ông Trần Văn Q phần đất 437,1m^2.

Các ông, bà Trần Văn Đ, Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Thị L1, Trần Thị T, Trần Văn Q và Trần Đình C được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các phần đất được chia nêu trên.

Buộc các ông, bà Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Thị L1, Trần Thị T, Trần Văn Q, Trần Văn O, Trần Văn Đ mỗi người phải giao lại cho ông Trần Đình C 9.314.700 đồng (chín triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm đồng).

Buộc các bà Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Thị L1, Trần Thị T phải trả cho ông Trần Đình C giá trị cây trồng trên đất là 92.675.000đ (chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

Các bà Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Thị L1, Trần Thị T tự nguyện chịu 2.500.000đ (đã nộp xong).

Ông Trần Văn Đ tự nguyện chịu 8.500.000đ (đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho các ông, bà Trần Thị M, Trần Thị L, Trần Thị L1, Trần Văn Q, Trần Thị T, Trần Văn O, Trần Văn Đ, Trần Đình C.

Bà Trần Thị T được nhận lại 5.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0004296 ngày 26/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

5. Về án phí phúc thẩm: các đương sự có kháng cáo không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo bản án là Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 12/01/2024 của Công ty TNHH Đ2)

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP . HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND TP. Long Xuyên (1);
- THADS TP. Long Xuyên (1);
- Đương sự;
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.